

CHỦ ĐỀ 1: NHỮNG BÀI HỌC ĐẦU TIÊN

BÀI 1: A a (tiết 1 – 2, SHS, tr.10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gọi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Những bài học đầu tiên* (ba, bà, bò, cò, cá, (số) 1, 2, 3, ...).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm chữ *a* (ba, bà, hoa, lá).

2. Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ *a*.

3. Đọc được chữ *a*.

4. Viết được chữ *a*, số 1.

5. Nhận biết được tiếng có âm chữ *a*, nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ *a*.

6. Hình thành năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm.

7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết.¹

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, VTV, SGK.

– Thẻ chữ *a* (in thường, in hoa, viết thường).

– Một số tranh ảnh minh hoạ kèm thẻ từ (gà, bà, lá, số 1, 2, 3, ...).

– Tranh chủ đề (nếu có).

¹ Mục tiêu 6, 7 chung như vừa nêu trên cho tất cả các bài học âm chữ, vẫn nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài đầu tiên – bài 1, chủ đề 1. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài học âm chữ, vẫn tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1¹

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 10 (GV hướng dẫn HS mở sách, tìm đúng trang của bài học, cùng bạn thảo luận về tên chủ đề của bài học,...)².

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề (quan sát tranh chủ đề, nếu có).

- HS trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (và tranh chủ đề, nếu có) gọi ra, nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Những bài học đầu tiên* (ba, bà, cà, cò, ca, cá, cò; hoặc các chữ số 1, 2, 3, 4, 5); GV có thể giải thích thêm tên gọi *Những bài học đầu tiên*: những chữ cái, chữ số,... đầu tiên HS sẽ học.

- HS cùng bạn quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ chứa tiếng có âm *a* (bà, ba, má, hoa, lá,...).

- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng tìm được (có chứa *a*).

- HS phát hiện âm *a*.

- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV viết tên bài (*A a*).

3. Nhận diện âm chữ mới

- HS quan sát chữ *a* in thường, in hoa.

4. Đọc âm chữ mới

- HS đọc chữ *a*.

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *a*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ *a*.

- HS viết chữ *a* vào bảng con.

- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có.

¹ Chữ "Tiết 1" ở trang này cũng như chữ "Tiết 2" ở trang sau và các bài tiếp theo dùng để chỉ thứ tự tiết trong một bài học âm vần mới.

² Sử dụng sách là một yêu cầu mà GV cần hướng dẫn và rèn luyện cho HS ngay từ những buổi học đầu tiên. Vì vậy, cần tránh tình trạng chỉ sử dụng bảng, trình chiếu mà "bỏ quên" SGK.

b. Viết số 1

- HS đọc số 1.
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của số 1.
- HS viết số 1 vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có.

5.2. Viết vào vở tập viết¹

- HS viết chữ a và số 1 vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới

- HS quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ a (lá, bà, gà trống, ba mang ba lô; GV nên hướng dẫn HS tìm theo chiều kim đồng hồ).
- HS thảo luận, dùng ngón trỏ nói a và hình lá, bà, gà trống, ba mang ba lô.
- HS nói câu có chứa từ ngữ lá hoặc bà, gà trống, ba, ba lô (nói trong nhóm, vài HS nói trước lớp; có thể gợi ý: *Chiếc lá màu xanh., Đây là con gà trống.,...*).
- HS tìm thêm chữ a bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh, VD: ở bảng tên của em, của bạn; ở bảng chữ cái, *Năm điều Bác Hồ dạy...*
- HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm a (má, trán, mắt cá,...).

7. Hoạt động mở rộng²

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ những ai?, Bạn nhỏ đang làm gì?, Chữ gì trong bóng nói gần với bạn nhỏ?, Đọc câu trong bóng nói gần với bạn nhỏ.*)
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói câu biểu thị sự ngạc nhiên có từ a (GV có thể giải thích thêm “Câu “A!” trong bóng nói biểu thị sự ngạc nhiên, thích thú của bạn nhỏ; gợi ý cho HS, VD: *A, ba về., A, mẹ ơi, gà kìa., A, sách đẹp quá!, v.v..*)
- HS nói trong nhóm nhỏ, một vài HS nói trước lớp câu có từ a, biểu thị sự ngạc nhiên. (Ngoài ra, GV có thể tổ chức trò chơi vận động kết hợp nói/ hát phỏng theo vè, như *Hôm nay em học chữ a. Có ba có má lại có cả bà. La là lá la.*)

¹ Tùy tình hình HS, khi dạy phần âm chữ và phần vần, GV có thể kết thúc tiết 1 sau hoạt động viết vào vở tập viết, như tác giả đã phân chia; hoặc GV cũng có thể chuyển nội dung viết vào Vở tập viết sang tiết 2.

² Việc ghi nhận kết quả HS thực hiện đúng hay chưa đúng ở phần HĐMR cũng như các phần khác, tác giả không lựa chọn cách gọi “tính điểm” như cách đánh giá trước đây. GV nhận xét (bằng lời) kết quả thực hiện hoạt động của HS (cá nhân, nhóm, lớp).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại chữ *a*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *b*).

BÀI 2: B b (tiết 3 - 4, SHS, tr.12 - 13)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm chữ *b* (*bé, ba, bà, bé bé, ...*).
2. Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ *b*.
3. Đọc được chữ *b, ba*.
4. Viết được chữ *b, ba*, số 2.
5. Nhận biết được tiếng có âm chữ *b*; nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm *b*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *a* bằng *b*; GV có thể chuẩn bị thêm tranh ảnh con ba ba, con rùa; bài hát *Cháu yêu bà, Búp bê bằng bông, ...*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS nói, viết, đọc chữ *a*; nói câu có từ *a*, hoặc câu có tiếng chứa âm *a* (GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi hoặc câu hỏi).

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 12.
- HS quan sát tranh khởi động, nói từ ngữ chứa tiếng có âm *b* (*bé, bà, ba; bé bé*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *b*).
- HS phát hiện ra âm *b*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*B b*).

Lưu ý: GV nên giới thiệu theo cách thức liên kết bài *B b* với chủ đề và bài *A a*.

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

- HS quan sát chữ *b* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *b*.

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *ba*.
- HS phân tích tiếng *ba* (gồm âm *b*, âm *a*).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *bờ-a-ba*.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

- HS quan sát từ *ba* phát hiện âm *b* trong tiếng *ba*.
- HS đánh vần tiếng khoá *ba*: *bờ-a-ba*.
- HS đọc trơn từ khoá *ba*.

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ *b*, *ba*

a1. Viết chữ *b*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *b*.
- HS viết con chữ *b* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ *ba*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *ba* (chữ *b* đứng trước, chữ *a* đứng sau).
- HS viết chữ *ba* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

b. Viết số 2 (tương tự hướng dẫn viết số 1)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết chữ *a*, *ba* và số 2 vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới và luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới

- HS quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ *b* (*bàn, bé, bóng, ba ba*; GV có thể hướng dẫn tìm theo chiều kim đồng hồ).
- HS thảo luận, dùng ngón trỏ nói chữ *b* và hình *bàn, bé, bóng, bưởi, ba ba*.
- HS nói câu có chứa từ ngữ *bàn* hoặc *bé, bóng, ba ba*.
- HS tìm thêm chữ *b* bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh, VD: ở bảng tên của em, của bạn; ở bảng chữ cái,...
- HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa có âm *b* (*bùn bò, bánh bò, bánh bao, bánh canh, ...*).

6.2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS đánh vần và đọc trơn từ *ba ba*.
- HS tìm hiểu nghĩa của từ *ba ba*. (GV dùng tranh vẽ/ ảnh con ba ba, con rùa để giúp HS phân biệt ba ba và rùa.)

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ những gì?, Tranh gợi bài hát nào?*).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói, hát kèm vận động bài hát có âm *b* vui nhộn, quen thuộc với các em (GV có thể gợi ý bằng cách hát một câu, hoặc hỏi “Ồ mẫu giáo em đã hát bài nào, có những từ như *búp bê, bướm bướm, ...*”).
- HS nói, hát kèm vận động, VD: múa/ vỗ tay bài *Búp bê bằng bông biết bay bay bay/ Bé bé bằng bông/...*

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại chữ *b*.
- HS nắm nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *c`´*).

BÀI 3: C c ̀ ́ (tiết 5 – 6, SHS, tr.14 – 15)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm chữ *c*, *dấu huyền*, *dấu sắc* (*công*, *cò*, *cá*, *cào cào*, ...).
2. Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ *c*, *dấu huyền*, *dấu sắc*.
3. Đọc được chữ *c*, *ca*, *cà*, *cá*.
4. Viết được chữ *c*, *ca*, *cà*, *cá*, số 3.
5. Nhận biết được, nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm *c*, *dấu huyền*, *dấu sắc*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *a* bằng *c* ̀ ́; GV có thể chuẩn bị thêm bài hát *Con cào cào/ Con cua đá*, ...)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS nói, viết, đọc âm chữ *b*; nói câu có tiếng chứa âm chữ *b* (GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi hoặc câu hỏi).

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 14.
- HS quan sát tranh, nói từ ngữ chứa tiếng có âm chữ *c*, ̀ ́ (*cây cỏ*, *con công*, *cò*, *cá*, *cào cào*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *c*, *dấu huyền*, *dấu sắc*).
- HS phát hiện ra *c*, ̀ ́.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*C c ̀ ́*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *c*

- HS quan sát chữ *c* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *c*.

b. Nhận diện thanh huyền (`) (dấu huyền)

– HS nghe và phân biệt *a – à, ba – bà, ca – cà*. (HS tìm điểm khác giữa 3 cặp từ vừa nêu: có và không có thanh huyền).

– HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa thanh huyền (*cò, bò, đò, hò, ...*).

– HS quan sát dấu huyền.

– HS đọc tên dấu huyền.

c. Nhận diện thanh sắc (´) (dấu sắc)

– HS nghe và phân biệt *ca – cá, mi – mí, đa – đá* (HS tìm điểm khác giữa 3 cặp từ vừa nêu: có và không có thanh sắc).

– HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa thanh sắc (*má, mắt, tóc, ...*)

– HS quan sát dấu sắc.

– HS đọc tên dấu sắc.

❖ **Lưu ý:** Dấu huyền (`) và dấu sắc (´) là cặp dấu ghi thanh mà HS lớp 1 thường nhầm lẫn. Vì vậy, GV có thể dùng các cặp từ chỉ khác nhau ở một điểm: thanh huyền và thanh sắc, kèm hình minh hoạ *cà – cá, bà – bá, bò – bó, ...*

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ c

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *ca*.

– HS phân tích tiếng *ca* (gồm âm *c*, âm *a*).

– HS đánh vần theo mô hình tiếng: *cờ-a-ca*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có thanh huyền

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *cà*.

– HS phân tích tiếng *cà* (gồm âm *c*, âm *a* và thanh huyền).

– HS đánh vần theo mô hình tiếng: *cờ-a-ca-huyền-cà*.

c. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có thanh sắc

(Các bước như mô hình tiếng *cà*.)

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá ca

– HS phát hiện từ khoá *ca*, âm *c* trong tiếng *ca*.

– HS đánh vần tiếng khoá *ca*: *cờ-a-ca*.

– HS đọc trơn từ khoá *ca*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá cà (tương tự như từ khoá ca)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá cá (tương tự như từ khoá ca)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ c, ca, cà, cá

a1. Viết chữ c

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo nét chữ của chữ c.
- HS viết chữ c vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ ca

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ ca (chữ c đứng trước, chữ a đứng sau).

- HS viết chữ ca vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

a3. Viết chữ cà (tương tự như viết chữ ca)

a4. Viết chữ cá (tương tự như viết chữ ca)

b. Viết số 3 (tương tự hướng dẫn viết số 1)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS chữ c, ca, cà, cá và số 3 vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS tự đánh giá.

TIẾT 2

Chân trời sáng tạo

6. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới và luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới

- HS quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ c (cò, cáo, cam, cua).
- HS thảo luận, dùng ngón trỏ nối chữ c và hình cò, cáo, cam, cua.
- HS nói câu có chứa từ ngữ cáo hoặc cua, cam, cò.
- HS tìm thêm chữ c, dấu huyền, dấu sắc bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh, VD: ở bảng tên của em, của bạn; ở bảng chữ cái,...
- HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm c (cái cò, cánh tay, cô giáo, cửa sổ, cánh cửa, ...).

6.2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

- HS nghe GV đọc mẫu.

– HS đánh vần và đọc trơn *ca, cà, cá*.

– HS tìm hiểu nghĩa của từ *ca, cà, cá*.

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*con cào cào, nốt nhạc, ...*).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói, hát kèm vận động bài hát có âm *c, thanh huyền, thanh sắc* vui nhộn, quen thuộc (GV có thể gợi ý bằng cách hát một câu, hoặc hỏi “Ồ mẫu giáo em đã hát bài nào, có những từ như *con cào cào có cái cánh...*”).

– HS nói, hát (có thể kết hợp múa) bài *Con cào cào có cái cánh xanh xanh/...*

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại chữ *c, thanh huyền, thanh sắc*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *o* ?).

BÀI 4: *o o* (tiết 7 – 8, SHS, tr.16 – 17)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm chữ *o*, *dấu hỏi* (*bò, cỏ, thỏ, đồ, mỏ chim, bỏ rác*).

2. Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ *o*, *dấu hỏi*.

3. Đọc được chữ *o*, *bò, cỏ*.

4. Viết được chữ *o*, *cỏ*, số 4.

5. Nhận biết được; nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm *o*, *dấu hỏi*.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Trương tự bài 1: thay *a* bằng *o* , GV có thể chuẩn bị thêm tranh vẽ gà, bò, bê, nghé, trâu.)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.

– HS nói, viết, đọc chữ *c*; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm *c*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 16.
- HS quan sát tranh, nói từ ngữ có tiếng chứa *o*, *?* (*bò, cỏ, thỏ, đỏ, mỏ chim, bỏ rác*),...
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *o*, *dấu hỏi*).
- HS phát hiện ra *o*, *?*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*O o ?*).

3. Nhận diện âm chữ mới, tiếng có âm chữ mới

3.1. Nhận diện âm chữ mới

a. Nhận diện âm chữ *o*

- HS quan sát chữ *o* in thường, in hoa.
- HS đọc chữ *o*.

b. Nhận diện **thanh hỏi** (*?*) (*dấu hỏi*)

- HS nghe và phân biệt *bo – bỏ, co – cỏ, đo – đỏ*. (HS tìm điểm khác giữa 3 cặp từ vừa nêu: có và không có thanh hỏi).
- HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa thanh hỏi (*củ tỏi, cỏ, mỏ, ...*).
- HS quan sát dấu hỏi.
- HS đọc tên dấu hỏi.

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ *o*

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *bò*.
- HS phân tích tiếng *bò* (gồm âm *b*, âm *o* và thanh huyền).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *bờ-o-bo-huyền-bò*.

b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có **thanh hỏi**

- HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *cỏ*.
- HS phân tích tiếng *cỏ* (gồm âm *c*, âm *o* và thanh hỏi).
- HS đánh vần theo mô hình tiếng: *cờ-o-co-hỏi-cỏ*.

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *bò*

- HS phát hiện từ khoá *bò*, âm *b* trong tiếng *bò*.
- HS đánh vần tiếng khoá: *bờ-o-bo-huyền-bò*.

– HS đọc trơn từ khoá *bò*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá cỏ (tương tự như từ bò).

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết chữ o, cỏ

a1. Viết chữ o

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của con chữ *o*.

– HS viết con chữ *o* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình, của bạn; sửa lỗi nếu có.

a2. Viết chữ cỏ

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *cỏ* (chữ *c* đứng trước, chữ *o* đứng sau, dấu ghi thanh hỏi trên chữ *o*).

– HS viết chữ *cỏ* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

b. Viết số 4 (tương tự hướng dẫn viết số 1)

5.2. Viết vào vở tập viết

– HS chữ *o*, *cỏ* và số 4 vào VTV.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

– HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới và luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Mở rộng từ ngữ chứa tiếng có âm chữ mới

– HS quan sát tranh, tìm từ có tiếng chứa âm chữ *o* (*thỏ, cọ, chó, bọ*).

– HS thảo luận nhóm đôi, dùng ngón trỏ nối chữ *o* và tranh *thỏ, cọ, bọ, chó*.

– HS nói câu có từ *cọ* hoặc *chó, thỏ*.

– HS nêu một số từ ngữ có tiếng chứa âm *o* (*ngón trỏ, cùi chõ, gõ, ho, ...*).

6.2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS đánh vần và đọc thành tiếng câu ứng dụng.

– HS tìm hiểu nghĩa của câu *Bò có cỏ*. (“Bò có gì?”, “Con gì có cỏ?”).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ những con vật gì?, Đọc câu có trong bóng nói của con gà trống?*).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: nêu tiếng kêu gà, bò,....

– HS thực hiện HĐMR (GV có thể tổ chức hỏi đáp: *con gì, nó kêu thế nào, gà: ò ó o, bò: Ụm... bò... ò; nghe (trâu con): ọ ọ; có thể cho HS nói kết hợp vận động theo nhóm*)...

– HS có thể nói câu: *Con gà gáy ò ó o o./ Con bò kêu ụm... bò./ Con nghe kêu ọ ọ.* (GV có thể hướng dẫn, đưa mẫu).

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại chữ *o*, *thanh hỏi*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài sau (*Bài Thực hành*).

THỰC HÀNH (tiết 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các âm chữ, dấu ghi thanh: *a, b, c, ` , ´, o, ?*.
2. Nhận diện được âm chữ và dấu ghi thanh được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có âm chữ được học và đọc câu ứng dụng.
4. Hiểu được nghĩa của câu đã đọc ở mức độ đơn giản.
5. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.¹

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SHS, SGK.
- Một số thẻ từ, câu.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).

¹ Mục tiêu 5, 6 chung cho tất cả các bài thực hành âm chữ, vẫn nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài thực hành đầu tiên của chủ đề 1. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài thực hành tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động liên quan đến chủ đề *Những bài học đầu tiên*).

– Một số HS đọc, viết, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có âm chữ, dấu thanh đã học.

2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

– HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có âm chữ mới học có trong câu: *Bò có cỏ. Cò có cá.*, đánh vần các tiếng đó (GV hướng dẫn HS đánh vần theo các mức độ phát triển kĩ năng đánh vần).

– HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

2.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS đọc thành tiếng câu/ đoạn: *Bò có cỏ. Cò có cá.*

– HS tìm hiểu nghĩa của câu/ đoạn (“Con gì có cỏ?”, “Cá của con gì?”).

– HS thực hiện bài tập nói về câu.

– HS nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

3. Luyện tập thực hành các âm chữ mới

– HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT (VD: kí hiệu nối, chọn, điền...).

– HS thực hiện bài tập (Tuỳ vào thời gian, tình hình thực tế của lớp học, GV cho HS thực hiện các bài tập của chủ đề 1: Nói sơ đồ, nối chữ, chọn từ đúng, điền phụ âm đầu,...).

– HS nhận xét, đánh giá bài làm của mình, của bạn.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ có âm chữ mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết, VD: *cà – cá, bò – bó, cò – có...*

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– Hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài mới (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (tiết 10 – 12, SHS, tr.18 – 19)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố được các âm chữ, dấu ghi thanh: *a, b, c, ˆ, ˊ, o, ?*.
2. Sử dụng được các âm chữ và dấu ghi thanh được học trong tuần để tạo tiếng mới.
3. Đánh vần và đọc đúng câu ứng dụng.
4. Viết được cụm từ ứng dụng.
5. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
6. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.¹

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGK
- Thẻ các âm chữ *a, b, c, ˆ, ˊ, o, ?*.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật dùng minh họa kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

Chân trời sáng tạo

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi (GV có thể sử dụng trò chơi như *Tại ai tinh, Nghe nhạc nhảy vào vòng,...* có cài đặt một vài từ ngữ có liên quan đến chủ đề *Những bài học đầu tiên*).
- HS đọc, viết *o, ?*; đọc từ, câu/ nói câu có tiếng chứa *a, b, c, ˆ, ˊ, o, ?*.

2. Ôn tập các âm chữ được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 18.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS đọc các âm chữ, dấu thanh vừa học trong tuần.

¹ Mục tiêu 5, 6 chung cho tất cả các bài Ôn tập phần học âm chữ, vẫn nên tác giả chỉ ghi cụ thể ở bài Ôn tập của chủ đề 1. Để thuận tiện trong trình bày, ở các bài ôn tập tiếp theo, tác giả sẽ lược bớt 2 mục tiêu này.

– HS tìm một số từ ngữ có tiếng chứa *a, b, c, ʼ, o, ʹ* vừa học trong tuần và đặt câu với những tiếng đó.

– HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa âm chữ vừa được học trong tuần.

– HS quan sát bảng ghép các âm *b-a-ba, b-o-bo; c-a-ca, c-o-co,...* và đánh vần các chữ được ghép.

– HS quan sát bảng ghép chữ và thanh, đánh vần các chữ được ghép: *ba-huyền-bà, ba-sắc-bá, ba-hỏi-bả; co-huyền-cò, co-sắc-có, co-hỏi-cỏ.*

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung câu ứng dụng

– HS nghe GV đọc mẫu (GV nhắc HS chú ý chữ B in hoa).

– HS đọc thành tiếng câu ứng dụng.

– HS tìm hiểu nội dung câu ứng dụng (“Bà làm gì?, Ai bó cỏ?”).¹

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Viết cụm từ ứng dụng

– HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *bó cỏ*.

– HS nhận diện từ có chứa âm và chữ được học trong tuần.

– HS quan sát cách GV viết.

– HS viết cụm từ ứng dụng vào vở.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

4.2. Viết số 5 (tương tự hướng dẫn viết số 1)

5. Hoạt động mở rộng

– HS luyện nói về chủ đề *Những bài học đầu tiên* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề).

– HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ (tùy thuộc thời gian, điều kiện không gian lớp học, GV có thể tổ chức thêm hoạt động này cho HS).

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ chứa *a, b, c, ʼ, o, ʹ*

– Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở giờ tự học, ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Cá bờ*).

¹ Tùy tình hình HS, GV có thể kết thúc tiết 1 sau hoạt động 3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung câu ứng dụng, như tác giả đã phân chia; hoặc GV cũng có thể tách phần tìm hiểu nội dung (câu/ đoạn/ bài) ứng dụng sang tiết 2.

B. KỂ CHUYỆN (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Cá bò* và tranh minh hoạ.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh hoạ và câu gợi ý dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng phù hợp khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với các nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, chăm chỉ.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGV.
- Tranh minh hoạ truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Cá bò

1. Nhà cá bò ở một khúc sông nhỏ. Chủ nhật nọ, trước khi đi chợ, mẹ dặn:
 - Con ở nhà học bài nhé!
 - Dạ, vâng ạ.
2. Cá bò đang học bài thì cá cờ đến rủ:
 - Bạn ơi, ở cửa sông có ca nhạc hay lắm. Ta đi xem đi.Nghe đến ca nhạc, cá bò quên mất lời hứa với mẹ. Nó vội cùng cá cờ rời khỏi nhà.
3. Gần tới cửa sông, bỗng cả hai nhìn thấy lão bò nông to xù đang đứng ở mép nước. Cá cờ kêu to:
 - Á, á! Bò nông. Lặn ngay.Cả hai liền lặn sâu xuống nước và bơi vội về nhà.
4. Đi chợ về, nghe con kể lại chuyện suýt bị bò nông bắt, mẹ cá bò ôm hai bạn và dặn:
 - Từ giờ các con phải giữ lời hứa. Khi đi đâu xa phải có ba mẹ đi cùng, phải biết nhìn xung quanh để tránh nguy hiểm.
 - Dạ, vâng ạ – Cá bò và cá cờ đồng thanh đáp lời mẹ.

Nguyễn Thị Tú Duyên

Câu hỏi:

1. Cá bò mẹ dặn cá bò và cá cò những việc gì?
2. Nếu đi chơi xa, em phải thế nào?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có liên quan đến chủ đề.
- HS đọc, viết, nói từ/ câu có tiếng chứa *a, b, c, o, ʼ, ˆ, ˆ*.

2. Luyện tập nghe và nói

- HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Cá bò*.
- Dựa vào tranh minh hoạ, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Tranh vẽ những con vật gì?”, “Con cá nào xuất hiện trong cả bốn bức tranh?”, “Có những chuyện gì xảy ra với cá bò con?”).
- HS nghe GV giới thiệu bài mới (có thể dùng tên truyện và tranh minh hoạ để giới thiệu).

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

- HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.
- HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. (GV lưu ý sử dụng câu chủ đề đoạn dưới mỗi bức tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện; sử dụng các câu hỏi kích thích phỏng đoán “Liệu cá bò có ở nhà học bài như lời mẹ dặn không?”, “Cá bò và cá cò sẽ gặp những gì trên đường đi?”,...).
- HS kể từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ (âm lượng đủ nghe trong nhóm).
- HS/ nhóm HS kể tiếp nối theo diễn biến câu chuyện trước lớp (với âm lượng kể trước cả lớp).
- HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Câu chuyện kể về điều gì?”, “Em thích nhân vật/ chi tiết/ tình tiết nào nhất? Vì sao?”, “Khi đi chơi xa em phải làm những gì?”,...)

❖ **Lưu ý:** Nếu có HS đọc được câu chủ đề của đoạn truyện dưới mỗi tranh, GV có thể hướng dẫn HS đó dựa vào các câu chủ đề đó để kể.

4. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại tên truyện *Cá bò*, số lượng các nhân vật, nhân vật yêu thích.
- HS biết đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Bé và bà*).